

Số: 04 /QĐ-NHCSĐN

Đồng Nai, ngày 15 tháng 5 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch dư nợ năm 2026

#### GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-NHCS ngày 10/01/2014 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành Quy định về xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Văn bản số 7064/NHCS-KHNV ngày 14/7/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn một số nội dung về tổ chức thực hiện kế hoạch tín dụng;

Căn cứ Văn bản số 1151/NHCS-KHNV ngày 16/3/2026 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội về việc tập trung thực hiện kế hoạch tín dụng năm 2026;

Căn cứ Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là Thành phố Đồng Nai) ban hành kèm theo Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Văn bản số 6747/UBND-KGXV ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Đồng Nai về việc xử lý kinh phí từ nguồn lãi việc làm tồn tại Sở Nội vụ về nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Nghiệp vụ tín dụng và Giám đốc các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc.

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch dư nợ năm 2026 đối với các đơn vị trực thuộc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Đồng Nai, chi tiết theo Danh mục đính kèm.

**Điều 2.** Giám đốc các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc chỉ đạo cán bộ tín dụng căn cứ chỉ tiêu kế hoạch dư nợ năm 2026 được điều chỉnh của từng xã, phường để báo cáo, tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện theo quy định.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch Nghiệp vụ tín dụng, Giám đốc các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND thành phố (báo cáo);
- Lưu: VT, KHN.V.

**GIÁM ĐỐC**



**Lê Bá Chuyên**



**DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH DỰ NỢ NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026  
ĐỐI VỚI CÁC XÃ, PHƯỜNG**

*(Kèm theo Quyết định số: 04 /QĐ-NHCSĐN ngày 15 tháng 5 năm 2026  
của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Đồng Nai)*

DVT: Triệu đồng

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ nghèo			Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm		
		Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
<b>I</b>	<b>Hội sở chi nhánh tỉnh</b>	<b>1.213</b>	<b>-380</b>	<b>833</b>	<b>986</b>	<b>-354</b>	<b>632</b>	<b>430</b>	<b>-250</b>	<b>180</b>	<b>212.826</b>	<b>0</b>	<b>212.826</b>
1	Phường Phước Tân	49		49	56		56				25.944		25.944
2	Phường Biên Hòa	91	-12	79	49	-32	17				15.189		15.189
3	Phường Trăn Biên	35	-15	20	20	-20					28.537		28.537
4	Phường Long Hưng							50	-50		16.293		16.293
5	Phường Long Bình	50	-50		285	-200	85	50		50	39.269		39.269
6	Phường Trảng Dài				30		30	100	-100		18.355		18.355
7	Phường Tam Phước	200	-183	17	110	-50	60				14.665		14.665
8	Phường Hồ Nai	572	-5	567	293	-52	241	130		130	18.269		18.269
9	Phường Tam Hiệp	216	-115	101	143		143	100	-100		36.305		36.305
<b>II</b>	<b>PGD Long Thành</b>	<b>1.037</b>	<b>0</b>	<b>1.037</b>	<b>360</b>	<b>0</b>	<b>360</b>	<b>420</b>	<b>0</b>	<b>420</b>	<b>132.597</b>	<b>0</b>	<b>132.597</b>
1	Xã Phước Thái	490		490	135		135	170		170	41.271		41.271
2	Xã An Phước	13		13	80		80				10.505		10.505
3	Xã Bình An	75		75	63		63	50		50	22.124		22.124
4	Phường Long Thành	280		280	22		22	200		200	20.727		20.727
5	Xã Long Phước	179		179	60		60				37.970		37.970
<b>III</b>	<b>PGD Trảng Bom</b>	<b>4.692</b>	<b>-478</b>	<b>4.214</b>	<b>10.265</b>	<b>-288</b>	<b>9.977</b>	<b>1.579</b>	<b>-53</b>	<b>1.526</b>	<b>156.777</b>	<b>0</b>	<b>156.777</b>



STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ nghèo			Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm		
		Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
1	Xã An Viễn	65	-10	55	1.424	-60	1.364	62		62	17.492		17.492
2	Xã Hưng Thịnh	515	-10	505	1.922	-30	1.892	162		162	33.361		33.361
3	Phường Tráng Bom	1.067	-105	962	1.640	-202	1.438	471	-53	418	42.501		42.501
4	Xã Bàu Hàm	722	-118	604	2.171	164	2.335	305		305	41.284		41.284
5	Xã Bình Minh	2.323	-235	2.088	3.108	-160	2.948	579		579	22.139		22.139
<b>IV</b>	<b>PGD Long Khánh</b>	<b>2.614</b>	<b>0</b>	<b>2.614</b>	<b>2.685</b>	<b>0</b>	<b>2.685</b>	<b>2.518</b>	<b>0</b>	<b>2.518</b>	<b>155.406</b>	<b>0</b>	<b>155.406</b>
1	Phường Bảo Vinh	399		399	544		544	972		972	37.920		37.920
2	Phường Xuân Lập	547		547	144		144	609		609	25.414		25.414
3	Phường Long Khánh	253		253	748		748	443		443	44.107		44.107
4	Phường Bình Lộc	1.202		1.202	967		967	170		170	27.550		27.550
5	Phường Hàng Gòn	213		213	282		282	324		324	20.415		20.415
<b>V</b>	<b>PGD Xuân Lộc</b>	<b>4.029</b>	<b>-440</b>	<b>3.589</b>	<b>14.642</b>	<b>0</b>	<b>14.642</b>	<b>18.317</b>	<b>-270</b>	<b>18.047</b>	<b>116.689</b>	<b>0</b>	<b>116.689</b>
1	Xã Xuân Thành				2.409	-190	2.219	1.424		1.424	14.581		14.581
2	Xã Xuân Bắc	1.086	-150	936	3.057	280	3.337	2.183	-140	2.043	13.452		13.452
3	Xã Xuân Định	191	-40	151	1.134	-190	944	1.199		1.199	17.891		17.891
4	Phường Xuân Lộc	964	-100	864	2.028	-20	2.008	4.385		4.385	37.977		37.977
5	Xã Xuân Phú	57	-30	27	1.096	-180	916	1.547	-40	1.507	12.297		12.297
6	Xã Xuân Hòa	1.731	-120	1.611	4.918	300	5.218	7.579	-90	7.489	20.491		20.491
<b>VI</b>	<b>PGD Định Quán</b>	<b>2.774</b>	<b>0</b>	<b>2.774</b>	<b>6.108</b>	<b>0</b>	<b>6.108</b>	<b>4.575</b>	<b>0</b>	<b>4.575</b>	<b>96.669</b>	<b>0</b>	<b>96.669</b>
1	Xã Phú Vinh	232		232	1.266		1.266	231		231	13.785		13.785
2	Xã Định Quán	75		75	1.463		1.463	386		386	31.847		31.847
3	Xã Thanh Sơn	2.184		2.184	1.711		1.711	3.535		3.535	14.814		14.814
4	Xã Phú Hòa	144		144	544		544	364		364	20.812		20.812
5	Xã La Ngà	139		139	1.124		1.124	59		59	15.411		15.411
<b>VII</b>	<b>PGD Vĩnh Cửu</b>	<b>708</b>	<b>-63</b>	<b>645</b>	<b>18.625</b>	<b>-212</b>	<b>18.413</b>	<b>33.587</b>	<b>-1.624</b>	<b>31.963</b>	<b>126.030</b>	<b>0</b>	<b>126.030</b>
1	Xã Tân An				475	-64	411	783	-237	546	25.238		25.238
2	Phường Tân Triều				451	-58	393	47		47	45.857		45.857

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ nghèo			Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm		
		Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
3	Phường Trị An	432	-63	369	9.514	-90	9.424	13.259	-1.177	12.082	37.896		37.896
4	Xã Phú Lý	276		276	8.185		8.185	19.498	-210	19.288	17.039		17.039
<b>VIII</b>	<b>PGD Tân Phú</b>	<b>6.806</b>	<b>-250</b>	<b>6.556</b>	<b>40.457</b>	<b>900</b>	<b>41.357</b>	<b>17.792</b>	<b>-700</b>	<b>17.092</b>	<b>106.954</b>	<b>0</b>	<b>106.954</b>
1	Xã Phú Lâm	1.660		1.660	11.009	700	11.709	6.374	-700	5.674	27.551		27.551
2	Xã Nam Cát Tiên	470		470	5.249		5.249	1.138		1.138	17.521		17.521
3	Phường Tân Phú	2.833		2.833	12.702		12.702	6.584		6.584	26.997		26.997
4	Xã Tà Lài	1.731	-250	1.481	9.607	200	9.807	3.372		3.372	25.210		25.210
5	Xã Đak Lua	113		113	1.890		1.890	324		324	9.675		9.675
<b>IX</b>	<b>PGD Thống Nhất</b>	<b>4.767</b>	<b>-1.000</b>	<b>3.767</b>	<b>6.792</b>	<b>0</b>	<b>6.792</b>	<b>1.689</b>	<b>0</b>	<b>1.689</b>	<b>126.563</b>	<b>0</b>	<b>126.563</b>
1	Phường Dầu Giây	1.382	-300	1.082	2.275		2.275	585		585	55.175		55.175
2	Xã Thống Nhất	965	-300	665	1.446		1.446	650		650	33.604		33.604
3	Xã Gia Kiệm	2.420	-400	2.020	3.071		3.071	454		454	37.784		37.784
<b>X</b>	<b>PGD Cẩm Mỹ</b>	<b>607</b>	<b>0</b>	<b>607</b>	<b>11.180</b>	<b>-158</b>	<b>11.022</b>	<b>4.089</b>	<b>-617</b>	<b>3.472</b>	<b>104.371</b>	<b>0</b>	<b>104.371</b>
1	Xã Xuân Quế	23		23	1.321	-40	1.281	166	73	239	15.171		15.171
2	Xã Xuân Đường	250		250	2.111	-20	2.091	365	-50	315	20.590		20.590
3	Xã Cẩm Mỹ	174		174	3.141	-10	3.131	634	-100	534	30.197		30.197
4	Xã Xuân Đông	80		80	3.035	-50	2.985	2.270	-400	1.870	22.312		22.312
5	Xã Sông Ray	80		80	1.572	-38	1.534	654	-140	514	16.101		16.101
<b>XI</b>	<b>PGD Nhơn Trạch</b>	<b>4.339</b>	<b>-400</b>	<b>3.939</b>	<b>3.221</b>	<b>0</b>	<b>3.221</b>	<b>2.160</b>	<b>400</b>	<b>2.560</b>	<b>117.246</b>	<b>0</b>	<b>117.246</b>
1	Xã Đại Phước	3.032	-400	2.632	2.120		2.120	1.666	400	2.066	54.842		54.842
2	Phường Nhơn Trạch	674		674	597		597	325		325	29.737		29.737
3	Xã Phước An	633		633	504		504	169		169	32.667		32.667
<b>XII</b>	<b>PGD Bình Long</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>58.793</b>	<b>4.000</b>	<b>62.793</b>
1	Phường An Lộc										31.809	2.000	33.809
2	Phường Bình Long										26.984	2.000	28.984
<b>XIII</b>	<b>PGD Lộc Ninh</b>	<b>169</b>	<b>0</b>	<b>169</b>	<b>490</b>	<b>0</b>	<b>490</b>	<b>4.417</b>	<b>0</b>	<b>4.417</b>	<b>25.337</b>	<b>0</b>	<b>25.337</b>
1	Xã Lộc Tấn	36		36	54		54	1.783		1.783	4.671		4.671

7-048-N.H.C  
HÀNH  
AN HANG  
T.ĐỒNG NAI

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ nghèo			Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm		
		Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
2	Xã Lộc Thạnh				27		27	5		5	2.481		2.481
3	Xã Lộc Thành	75		75				14		14	3.453		3.453
4	Xã Lộc Quang	15		15	38		38	94		94	2.496		2.496
5	Phường Lộc Ninh	10		10	268		268	2.388		2.388	5.552		5.552
6	Xã Lộc Hưng	33		33	103		103	133		133	6.684		6.684
<b>XIV</b>	<b>PGD Bình Phước</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>	<b>35</b>	<b>-10</b>	<b>25</b>	<b>81.608</b>	<b>4.847</b>	<b>86.455</b>
1	Phường Đồng Xoài										25.627		25.627
2	Phường Bình Phước				15		15	35	-10	25	55.981	4.847	60.828
<b>XV</b>	<b>PGD Phước Long</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>60.861</b>	<b>4.000</b>	<b>64.861</b>
1	Phường Phước Long										34.777	2.500	37.277
2	Phường Phước Bình										26.084	1.500	27.584
<b>XVI</b>	<b>PGD Bù Đăng</b>	<b>70</b>	<b>0</b>	<b>70</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>26.052</b>	<b>0</b>	<b>26.052</b>
1	Xã Thọ Sơn										5.841		5.841
2	Xã Bù Đăng										8.231		8.231
3	Xã Đăk Nhau										2.099		2.099
4	Xã Phước Sơn										2.535		2.535
5	Xã Bom Bo										2.549		2.549
6	Xã Nghĩa Trung	70		70							4.797		4.797
<b>XVII</b>	<b>PGD Đồng Phú</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>33.257</b>	<b>0</b>	<b>33.257</b>
1	Xã Thuận Lợi										6.935		6.935
2	Phường Đồng Phú										13.277		13.277
3	Xã Đồng Tâm										6.673		6.673
4	Xã Tân Lợi										6.372		6.372
<b>XVIII</b>	<b>PGD Chơn Thành</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>341</b>	<b>0</b>	<b>341</b>	<b>46.464</b>	<b>0</b>	<b>46.464</b>
1	Phường Minh Hưng							101		101	15.975		15.975
2	Xã Nha Bích							200		200	17.472		17.472
3	Phường Chơn Thành							40		40	13.017		13.017

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ nghèo			Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm		
		Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương			Nguồn vốn địa phương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
<b>XIX</b>	<b>PGD Bù Đốp</b>	<b>1.670</b>	<b>-161</b>	<b>1.509</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>60</b>	<b>442</b>	<b>0</b>	<b>442</b>	<b>20.043</b>	<b>0</b>	<b>20.043</b>
1	Xã Hưng Phước	789	-82	707				442		442	4.319		4.319
2	Xã Thiện Hưng	527	-67	460							11.539		11.539
3	Xã Tân Tiến	354	-12	342	60		60				4.185		4.185
<b>XX</b>	<b>PGD Bù Gia Mập</b>	<b>2.545</b>	<b>0</b>	<b>2.545</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>16.833</b>	<b>0</b>	<b>16.833</b>
1	Xã Bù Gia Mập	454		454							1.050		1.050
2	Xã Phú Nghĩa	1.106		1.106							6.026		6.026
3	Xã Đa Kìa	454		454							7.980		7.980
4	Xã Đăk Ô	531		531							1.777		1.777
<b>XXI</b>	<b>PGD Phú Riêng</b>	<b>1.673</b>	<b>-22</b>	<b>1.651</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>700</b>	<b>0</b>	<b>700</b>	<b>20.913</b>	<b>0</b>	<b>20.913</b>
1	Xã Bình Tân	119		119							7.081		7.081
2	Xã Long Hà	424	-10	414							5.057		5.057
3	Xã Phú Trung	372	-12	360							2.664		2.664
4	Xã Phú Riêng	758		758				700		700	6.111		6.111
<b>XXII</b>	<b>PGD Hón Quán</b>	<b>1.195</b>	<b>-58</b>	<b>1.137</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>26.033</b>	<b>0</b>	<b>26.033</b>
1	Xã Minh Đức	272		272							5.482		5.482
2	Xã Tân Hưng	845	-30	815							6.402		6.402
3	Phường Tân Khai										6.946		6.946
4	Xã Tân Quan	78	-28	50							7.203		7.203
	<b>Tổng cộng</b>	<b>40.908</b>	<b>-3.252</b>	<b>37.656</b>	<b>115.885</b>	<b>-112</b>	<b>115.773</b>	<b>93.090</b>	<b>-3.124</b>	<b>89.966</b>	<b>1.868.322</b>	<b>12.847</b>	<b>1.881.169</b>



NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI  
CHI NHÁNH ĐỒNG NAI

## DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH DỰ NỢ NGUỒN VỐN TRUNG ƯƠNG NĂM 2026 ĐỐI VỚI CÁC XÃ, PHƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 04 /QĐ-NHCSĐN ngày 15 tháng 5 năm 2026  
của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội Đồng Nai)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ nghèo			Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trường	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trường	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trường	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trường	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
<b>I</b>	<b>Hội sở chi nhánh tỉnh</b>	177	0	177	349	0	349	100	0	100	0	0	0
1	Phường Phước Tân	123		123									
2	Phường Biên Hòa												
3	Phường Trấn Biên	40		40	10		10						
4	Phường Long Hưng												
5	Phường Long Bình				42		42						
6	Phường Trảng Dài												
7	Phường Tam Phước	14		14	12		12						
8	Phường Hố Nai				285		285	100		100			
9	Phường Tam Hiệp												
<b>II</b>	<b>PGD Long Thành</b>	<b>2.314</b>	<b>0</b>	<b>2.314</b>	<b>1.347</b>	<b>-85</b>	<b>1.262</b>	<b>302</b>	<b>0</b>	<b>302</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Phước Thái	523		523	222	-10	212						
2	Xã An Phước	331		331	110	8	118	25		25			
3	Xã Bình An	608		608	360		360	140		140			
4	Phường Long Thành	533		533	176	-12	164	65		65			
5	Xã Long Phước	319		319	479	-71	408	72		72			
<b>III</b>	<b>PGD Trảng Bom</b>	<b>1.745</b>	<b>0</b>	<b>1.745</b>	<b>1.397</b>	<b>-67</b>	<b>1.330</b>	<b>4.110</b>	<b>-54</b>	<b>4.056</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>



STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ nghèo			Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
1	Xã An Viễn	188		188	74	-24	50	552	-15	537			
2	Xã Hưng Thịnh	240		240	369	108	477	241	-9	232			
3	Phường Trảng Bom	282		282	260	-30	230	1.405	-11	1.394			
4	Xã Bàu Hàm	825		825	582	-67	515	1.058	1	1.059			
5	Xã Bình Minh	210		210	112	-54	58	854	-20	834			
<b>IV</b>	<b>PGD Long Khánh</b>	<b>1.275</b>	<b>0</b>	<b>1.275</b>	<b>1.081</b>	<b>0</b>	<b>1.081</b>	<b>1.129</b>	<b>0</b>	<b>1.129</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phường Bảo Vinh	132		132	290		290	116		116			
2	Phường Xuân Lập	139		139	245		245	489		489			
3	Phường Long Khánh	75		75	120		120	156		156			
4	Phường Bình Lộc	888		888	336		336	353		353			
5	Phường Hàng Gòn	41		41	90		90	15		15			
<b>V</b>	<b>PGD Xuân Lộc</b>	<b>3.739</b>	<b>0</b>	<b>3.739</b>	<b>19.043</b>	<b>0</b>	<b>19.043</b>	<b>23.419</b>	<b>0</b>	<b>23.419</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Xuân Thành	359		359	3.238		3.238	2.310		2.310			
2	Xã Xuân Bắc	699		699	1.602		1.602	3.856		3.856			
3	Xã Xuân Định	135		135	947		947	1.868		1.868			
4	Phường Xuân Lộc	621		621	3.096		3.096	5.732		5.732			
5	Xã Xuân Phú	66		66	2.355		2.355	2.000		2.000			
6	Xã Xuân Hòa	1.859		1.859	7.805		7.805	7.653		7.653			
<b>VI</b>	<b>PGD Định Quán</b>	<b>9.367</b>	<b>0</b>	<b>9.367</b>	<b>8.013</b>	<b>0</b>	<b>8.013</b>	<b>10.731</b>	<b>0</b>	<b>10.731</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Phú Vinh	7		7	2.022		2.022	584		584			
2	Xã Định Quán	369		369	1.951		1.951	1.225		1.225			
3	Xã Thanh Sơn	8.531		8.531	2.041		2.041	7.795		7.795			
4	Xã Phú Hòa	57		57	108		108	200		200			
5	Xã La Ngà	403		403	1.891		1.891	927		927			
<b>VII</b>	<b>PGD Vĩnh Cửu</b>	<b>1.780</b>	<b>0</b>	<b>1.780</b>	<b>23.266</b>	<b>-43</b>	<b>23.223</b>	<b>17.900</b>	<b>-540</b>	<b>17.360</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Tân An	83		83	3.751	-43	3.708	979	-182	797			
2	Phường Tân Triều				1.344		1.344						

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ nghèo			Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
3	Phường Trị An	1.427	10	1.437	8.304		8.304	8.774	-257	8.517			
4	Xã Phú Lý	270	-10	260	9.867		9.867	8.147	-101	8.046			
<b>VIII</b>	<b>PGD Tân Phú</b>	<b>5.667</b>	<b>0</b>	<b>5.667</b>	<b>34.123</b>	<b>0</b>	<b>34.123</b>	<b>14.602</b>	<b>-900</b>	<b>13.702</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>15</b>
1	Xã Phú Lâm	1.348		1.348	7.483		7.483	4.660	-400	4.260			
2	Xã Nam Cát Tiên	496		496	5.233		5.233	327		327			
3	Phường Tân Phú	2.372		2.372	14.088		14.088	6.344	-300	6.044			
4	Xã Tà Lài	1.206		1.206	5.708		5.708	2.663	-200	2.463	15		15
5	Xã Đak Lua	245		245	1.611		1.611	608		608			
<b>IX</b>	<b>PGD Thống Nhất</b>	<b>3.976</b>	<b>0</b>	<b>3.976</b>	<b>4.423</b>	<b>0</b>	<b>4.423</b>	<b>2.217</b>	<b>0</b>	<b>2.217</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phường Dầu Giây	1.690		1.690	1.808		1.808	956		956			
2	Xã Thống Nhất	1.036		1.036	378		378	319		319			
3	Xã Gia Kiệm	1.250		1.250	2.237		2.237	942		942			
<b>X</b>	<b>PGD Cẩm Mỹ</b>	<b>1.105</b>	<b>0</b>	<b>1.105</b>	<b>7.020</b>	<b>0</b>	<b>7.020</b>	<b>9.854</b>	<b>-530</b>	<b>9.324</b>	<b>52</b>	<b>0</b>	<b>52</b>
1	Xã Xuân Quế				643		643	818	-120	698	1		1
2	Xã Xuân Đường	306		306	607		607	803	-40	763	50		50
3	Xã Cẩm Mỹ	327		327	1.390		1.390	1.773	-20	1.753			
4	Xã Xuân Đông	386		386	3.075		3.075	4.860	-270	4.590	1		1
5	Xã Sông Ray	87		87	1.305		1.305	1.601	-80	1.521			
<b>XI</b>	<b>PGD Nhơn Trạch</b>	<b>2.350</b>	<b>0</b>	<b>2.350</b>	<b>1.946</b>	<b>0</b>	<b>1.946</b>	<b>9.370</b>	<b>0</b>	<b>9.370</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Xã Đại Phước	1.294		1.294	1.077		1.077	7.745		7.745			
2	Phường Nhơn Trạch	366		366	591		591	952		952			
3	Xã Phước An	690		690	278		278	673		673			
<b>XII</b>	<b>PGD Bình Long</b>	<b>3.412</b>	<b>0</b>	<b>3.412</b>	<b>4.026</b>	<b>0</b>	<b>4.026</b>	<b>7.216</b>	<b>-492</b>	<b>6.724</b>	<b>4.437</b>	<b>0</b>	<b>4.437</b>
1	Phường An Lộc	1.757		1.757	2.393		2.393	1.834	-21	1.813	4.437		4.437
2	Phường Bình Long	1.655		1.655	1.633		1.633	5.382	-471	4.911			
<b>XIII</b>	<b>PGD Lộc Ninh</b>	<b>17.146</b>	<b>0</b>	<b>17.146</b>	<b>49.683</b>	<b>0</b>	<b>49.683</b>	<b>145.133</b>	<b>0</b>	<b>145.133</b>	<b>157.301</b>	<b>0</b>	<b>157.301</b>
1	Xã Lộc Tấn	1.463		1.463	4.147		4.147	21.033		21.033	15		15

048-NH  
NHÂN  
HÀNG  
SÁCH XÃ HỘI  
ĐỒNG NAI  
T.ĐỒNG

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ nghèo			Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
2	Xã Lộc Thạnh	2.139		2.139	6.869		6.869	26.903		26.903	26.324		26.324
3	Xã Lộc Thành	4.307		4.307	5.987		5.987	18.966		18.966	22.581		22.581
4	Xã Lộc Quang	7.018		7.018	8.417		8.417	15.554		15.554	83.852		83.852
5	Phường Lộc Ninh	230		230	5.950		5.950	27.668		27.668			
6	Xã Lộc Hưng	1.989		1.989	18.313		18.313	35.009		35.009	24.529		24.529
<b>XIV</b>	<b>PGD Bình Phước</b>	<b>260</b>	<b>0</b>	<b>260</b>	<b>618</b>	<b>-7</b>	<b>611</b>	<b>248</b>	<b>-4</b>	<b>244</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phường Đồng Xoài	120		120	18	<b>-7</b>	11	99		99			
2	Phường Bình Phước	140		140	600		600	149	<b>-4</b>	145			
<b>XV</b>	<b>PGD Phước Long</b>	<b>1.983</b>	<b>0</b>	<b>1.983</b>	<b>6.531</b>	<b>0</b>	<b>6.531</b>	<b>15.887</b>	<b>-1.721</b>	<b>14.166</b>	<b>200</b>	<b>0</b>	<b>200</b>
1	Phường Phước Long	795		795	1.242		1.242	2.159	<b>-280</b>	1.879			
2	Phường Phước Bình	1.188		1.188	5.289		5.289	13.728	<b>-1.441</b>	12.287	200		200
<b>XVI</b>	<b>PGD Bù Đăng</b>	<b>44.314</b>	<b>0</b>	<b>44.314</b>	<b>32.049</b>	<b>0</b>	<b>32.049</b>	<b>94.562</b>	<b>-4.123</b>	<b>90.439</b>	<b>123.812</b>	<b>10.000</b>	<b>133.812</b>
1	Xã Thọ Sơn	2.933		2.933	4.830		4.830	20.394	<b>-697</b>	19.697	19.655	5.000	24.655
2	Xã Bù Đăng	1.902		1.902	4.926		4.926	13.276	<b>-75</b>	13.201			
3	Xã Đăk Nhau	14.205		14.205	9.885		9.885	14.978	<b>-813</b>	14.165	69.291		69.291
4	Xã Phước Sơn	12.248		12.248	3.800		3.800	8.534	<b>-532</b>	8.002	21.815		21.815
5	Xã Bom Bo	6.197		6.197	5.207		5.207	15.005	<b>-1.113</b>	13.892			
6	Xã Nghĩa Trung	6.828		6.828	3.401		3.401	22.376	<b>-893</b>	21.483	13.051	5.000	18.051
<b>XVII</b>	<b>PGD Đồng Phú</b>	<b>1.596</b>	<b>0</b>	<b>1.596</b>	<b>52.144</b>	<b>0</b>	<b>52.144</b>	<b>54.602</b>	<b>-1.305</b>	<b>53.297</b>	<b>10.812</b>	<b>0</b>	<b>10.812</b>
1	Xã Thuận Lợi	400		400	10.770		10.770	19.942	<b>-356</b>	19.586			
2	Phường Đồng Phú	39		39	15.641		15.641	9.872	<b>-328</b>	9.544			
3	Xã Đồng Tâm	1.030		1.030	11.775		11.775	15.245	<b>-372</b>	14.873	5.547		5.547
4	Xã Tân Lợi	127		127	13.958		13.958	9.543	<b>-249</b>	9.294	5.265		5.265
<b>XVIII</b>	<b>PGD Chơn Thành</b>	<b>58</b>	<b>-8</b>	<b>50</b>	<b>606</b>	<b>0</b>	<b>606</b>	<b>80.272</b>	<b>0</b>	<b>80.272</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Phường Minh Hưng				210		210	23.348		23.348			
2	Xã Nha Bích				195		195	31.105		31.105			
3	Phường Chơn Thành	58	<b>-8</b>	50	201		201	25.819		25.819			

STT	Tên Phòng giao dịch, xã, phường	Chương trình cho vay Hộ nghèo			Chương trình cho vay Hộ cận nghèo			Chương trình cho vay Hộ mới thoát nghèo			Chương trình cho vay Hộ gia đình sản xuất kinh doanh vùng khó khăn		
		Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương			Nguồn vốn Trung ương		
		Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu kế hoạch đã giao	Điều chỉnh tăng trưởng	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2026
<b>XIX</b>	<b>PGD Bù Đốp</b>	<b>17.415</b>	<b>0</b>	<b>17.415</b>	<b>21.063</b>	<b>0</b>	<b>21.063</b>	<b>160.782</b>	<b>-18.302</b>	<b>142.480</b>	<b>119.727</b>	<b>18.300</b>	<b>138.027</b>
1	Xã Hưng Phước	2.972		2.972	6.325		6.325	27.210	-5.788	21.422	58.089	6.000	64.089
2	Xã Thiệu Hưng	4.541		4.541	5.069		5.069	75.839	-5.046	70.793	14.976		14.976
3	Xã Tân Tiến	9.902		9.902	9.669		9.669	57.733	-7.468	50.265	46.662	12.300	58.962
<b>XX</b>	<b>PGD Bù Gia Mập</b>	<b>30.269</b>	<b>0</b>	<b>30.269</b>	<b>105.658</b>	<b>-787</b>	<b>104.871</b>	<b>46.887</b>	<b>-4.389</b>	<b>42.498</b>	<b>172.762</b>	<b>9.258</b>	<b>182.020</b>
1	Xã Bù Gia Mập	5.539		5.539	3.330	310	3.640	1.946	-554	1.392	36.571	700	37.271
2	Xã Phú Nghĩa	17.148		17.148	53.587	-500	53.087	23.849	-1.977	21.872	57.513	4.700	62.213
3	Xã Đa Kia	5.414		5.414	45.409	-526	44.883	17.265	-1.309	15.956	34.618	3.300	37.918
4	Xã Đăk Ô	2.168		2.168	3.332	-71	3.261	3.827	-549	3.278	44.060	558	44.618
<b>XXI</b>	<b>PGD Phú Riềng</b>	<b>17.475</b>	<b>0</b>	<b>17.475</b>	<b>51.366</b>	<b>1.040</b>	<b>52.406</b>	<b>155.005</b>	<b>-9.860</b>	<b>145.145</b>	<b>67.942</b>	<b>10.000</b>	<b>77.942</b>
1	Xã Bình Tân	3.963		3.963	22.632	867	23.499	41.174	-3.521	37.653			
2	Xã Long Hà	8.631		8.631	19.346	-27	19.319	45.242	-1.452	43.790	25.021		25.021
3	Xã Phú Trung	3.589		3.589	4.063		4.063	25.874	-2.915	22.959	42.921	10.000	52.921
4	Xã Phú Riềng	1.292		1.292	5.325	200	5.525	42.715	-1.972	40.743			
<b>XXII</b>	<b>PGD Hớn Quản</b>	<b>23.553</b>	<b>0</b>	<b>23.553</b>	<b>11.035</b>	<b>-51</b>	<b>10.984</b>	<b>62.873</b>	<b>-5.330</b>	<b>57.543</b>	<b>16.852</b>	<b>0</b>	<b>16.852</b>
1	Xã Minh Đức	5.041		5.041	1.025	-13	1.012	16.207	-922	15.285			
2	Xã Tân Hưng	16.714		16.714	8.561	-38	8.523	12.007	-638	11.369	8.542		8.542
3	Phường Tân Khai	361		361	313		313	7.818	-2.128	5.690			
4	Xã Tân Quan	1.437		1.437	1.136		1.136	26.841	-1.642	25.199	8.310		8.310
	<b>Tổng cộng</b>	<b>190.976</b>	<b>-8</b>	<b>190.968</b>	<b>436.786</b>	<b>0</b>	<b>436.786</b>	<b>917.201</b>	<b>-47.550</b>	<b>869.651</b>	<b>673.912</b>	<b>47.558</b>	<b>721.470</b>